

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2021/HC-PT

Ngày: 22/6/2021

V/v: *Khiếu kiện quyết định phê duyệt  
phương án hỗ trợ do thu hồi đất*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Điều Văn Hằng;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Phách;

Ông Nguyễn Huyền Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Bà Nguyễn Thị Thu Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 477/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ do thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 170/2019/HC-ST ngày 05/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4530/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Anh Trần Hồng P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Phòng S, Tòa nhà T, CC2A, Khu đô thị B, đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Phạm Thị Minh T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Phòng S, Tòa nhà T, CC2A, Khu đô thị B, đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

**- Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:* Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân phường K, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Thực hiện Dự án cải tạo Hồ T I thuộc Dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường thành phố Hà Nội - giai đoạn II trên địa bàn quận T, thành phố Hà Nội, UBND quận T đã ban hành Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 thu hồi 128,1m<sup>2</sup> đất đối với anh Trần Hồng P đang sử dụng tại tổ C, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

UBND quận T đã 04 lần phê duyệt hỗ trợ và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ khi thu hồi đất đối với anh Trần Hồng P. Cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Tại Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND quận T phê duyệt phương án hỗ trợ cho anh Trần Hồng P như sau:

- Hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp, nguồn gốc là đất công (đất đầm) do UBND xã K quản lý, thời điểm chuyển đổi sang làm nhà ở sau ngày 01/7/2004 trước ngày 22/4/2009 đối với 128,1 m<sup>2</sup>, bằng 32.281.200 đồng.

- Hỗ trợ 30% theo giá đất ở với hệ số k=1,6 đối với 50 m<sup>2</sup>, bằng 262.080.000 đồng.

- Hỗ trợ về tài sản trên đất bằng 23.196.906 đồng.

Tổng số tiền hỗ trợ là 317.558.106 đồng (*ba trăm mười bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn một trăm linh sáu đồng*).

- *Lần thứ hai:* Tại Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 14/7/2015, UBND quận T phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án hỗ trợ cho anh Trần Hồng P như sau:

- Hỗ trợ theo giá đất ở với đối với 123,88 m<sup>2</sup>, nhân hệ số k=1,6, bằng 2.164.431.360 đồng.

- Hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp đối với 4,22 m<sup>2</sup>, bằng 1.063.440 đồng.

- Hỗ trợ về tài sản trên đất bằng 115.984.530 đồng.

- Khấu trừ nghĩa vụ tài chính 54.110.784 đồng.

Tổng số tiền hỗ trợ là 2.227.368.546 đồng (*hai tỉ hai trăm hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng*).

Số tiền được điều chỉnh, bổ sung tăng 1.909.811.000 đồng.

- *Lần thứ ba:* Tại Quyết định số 4500/QĐ-UBND ngày 29/9/2015, UBND quận T phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho anh Trần Hồng P như sau:

- Hỗ trợ theo giá đất ở với hệ số  $k=1,6$  đối với  $123,88 \text{ m}^2$ , bằng 2.307.141.120 đồng.

- Hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp đối với  $4,22 \text{ m}^2$ , bằng 1.063.440 đồng.

- Hỗ trợ về tài sản trên đất bằng 115.984.530 đồng.

- Khấu trừ nghĩa vụ tài chính 57.678.528 đồng.

Tổng số tiền hỗ trợ là 2.366.510.562 đồng (*hai tỉ ba trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm mười nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng*).

Số tiền được điều chỉnh, bổ sung tăng 139.141.562 đồng.

- *Lần thứ tư:* Tại Quyết định số 5682/QĐ-UBND ngày 11/12/2015, UBND quận T phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho anh Trần Hồng P như sau:

- Hỗ trợ theo giá đất ở với hệ số  $k=1,6$  đối với  $123,88 \text{ m}^2$ , bằng 2.308.204.560 đồng.

- Hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp đối với  $4,22 \text{ m}^2$ , bằng 1.063.440 đồng.

- Hỗ trợ về tài sản trên đất bằng 131.063.840 đồng.

- Khấu trừ nghĩa vụ tài chính 57.678.528 đồng.

Tổng số tiền hỗ trợ là 2.381.589.872 đồng (*hai tỉ ba trăm tám mươi một triệu năm trăm tám mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng*).

Số tiền được điều chỉnh, bổ sung tăng 15.078.872 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND quận T, anh Trần Hồng P đã khiếu nại. Tại Quyết định số 4735/QĐ-CTUBND ngày 12/10/2015, Chủ tịch UBND quận T đã giải quyết khiếu nại lần đầu của anh Trần Hồng P với nội dung khiếu nại không có cơ sở.

Anh Trần Hồng P tiếp tục khiếu nại lần hai. Tại Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận T.

Không đồng ý với phương án đã được phê duyệt, phê duyệt bổ sung và kết quả giải quyết khiếu nại, vào các ngày 10/9/2016, 05/10/2016 và 24/10/2016 anh Trần Hồng P khởi kiện vụ án hành chính với yêu cầu hủy các quyết định hành chính đã nêu trên.

Lý do khởi kiện của anh Trần Hồng P như sau:

- Về loại đất: Nguồn gốc 128,1m<sup>2</sup> đất thuộc khu vực ven đầm sen do anh Trần Hồng P nhận chuyển nhượng của bà Trần Lê O ngày 09/10/2006. Theo Giấy cho phép sử dụng đất làm nhà ở số 62 ngày 15/12/1991 của UBND xã K, huyện T (nay là phường K, quận T) thì bà Trần Lê O được quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất làm nhà ở. Anh Trần Hồng P và người đại diện theo ủy quyền là chị Phạm Thị Minh T cho rằng 128,1m<sup>2</sup> bị thu hồi là đất thổ cư nhưng tại các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và các quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đều xác định 128,1 m<sup>2</sup> này là đất công (đất đầm) do UBND xã K quản lý.

Đồng thời, tổng diện tích nhận chuyển nhượng là 128,1m<sup>2</sup>, nhưng tại các quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung lại xác định chỉ có 123,88m<sup>2</sup> nằm trong tổng số 200m<sup>2</sup> theo Giấy cho phép sử dụng đất làm nhà ở ngày 15/12/1991 của UBND xã K cấp cho bà Trần Lê O, còn lại 4,22 m<sup>2</sup> được xác định là tự sử dụng thêm. Căn cứ khoản 2 Điều 20 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố Hà Nội và khoản 2 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc khi kê khai đăng ký trước đây người sử dụng đất không kê khai hết diện tích nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với những người sử dụng liền kề, không do lấn chiếm thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế. Việc UBND quận T chỉ hỗ trợ theo giá đất ở đối với 123,88m<sup>2</sup> là không đúng.

Anh Trần Hồng P và chị Phạm Thị Minh T còn cho rằng 128,1m<sup>2</sup> đất có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng loại đất thổ cư theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 100 Luật đất đai năm 2013, phải được bồi thường theo giá đất ở. Tại Quyết định số 5862/QĐ-UBND ngày 11/12/2015, UBND quận T chỉ hỗ trợ theo giá đất ở với hệ số k=1,6 bằng 18.624.000đ/m<sup>2</sup> là không đúng.

- Về vị trí đất: Anh Trần Hồng P và chị Phạm Thị Minh T cho rằng 128,1m<sup>2</sup> đất phải ở vị trí 2 đường H vì theo Sơ đồ hiện trạng ngày 01/7/1993 của UBND xã K cung cấp thì diện tích đất này có mặt cắt ngang tiếp xúc với đường lớn hơn 6m. UBND quận T xác định thửa đất ở vị trí 3 đường H là không đúng.

- Về giá đất: Anh Trần Hồng P và chị Phạm Thị Minh T cho rằng từ việc xác định không đúng loại đất, vị trí đất như nêu trên nên UBND quận T áp giá hỗ trợ không đúng. Quyết định thu hồi đất số 1888/QĐ-UBND được UBND thành phố Hà Nội ban hành ngày 22/4/2009 nhưng đến ngày 11/12/2015 UBND quận T mới ban hành Quyết định 5682/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ sau cùng, như vậy đã chậm gần 06 năm. Quyết

định 5682/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 cũng căn cứ Văn bản số 442/STC-VG ngày 24/01/2015 của Sở Tài chính Hà Nội để áp dụng giá đất của năm 2014 là không đúng vì khung giá đất năm 2015 đã tăng hơn so với năm 2014.

- Về tài sản trên đất: Anh Trần Hồng P và chị Phạm Thị Minh T cho rằng UBND quận T chỉ hỗ trợ nhà xây và công trình phục vụ sinh hoạt với tỉ lệ 50% là không đúng với quy định tại Điều 24 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Điều 89 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 9 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Anh Trần Hồng P và chị Phạm Thị Minh T yêu cầu phải được bồi thường toàn bộ tài sản, công trình xây dựng trên đất.

- Về tái định cư: Anh Trần Hồng P và chị Phạm Thị Minh T cho rằng bị thu hồi đất ở có nguồn gốc sử dụng hợp pháp, có nhà ở trên đất và đăng ký tạm trú tại vị trí đất bị thu hồi và đã bị thu hồi hết đất ở nên phải áp dụng quy định tại Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 để bố trí nhà ở tái định cư. Tuy nhiên, UBND quận T không phê duyệt chính sách tái định cư là không đúng.

\* Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch & UBND quận T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hồng P vì cho rằng hoạt động phê duyệt hỗ trợ và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ khi thu hồi 128,1 m<sup>2</sup> đất là đúng pháp luật. Cụ thể:

Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai đã xác định 128,1m<sup>2</sup> đất do anh Trần Hồng P sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án cải tạo hồ T I là một phần thửa đất số 3 diện tích 18.400 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 7 đo vẽ năm 1990, được UBND xã K lập Sổ địa chính hoàn thành năm 1994 ghi nhận là đất đầm và chủ sử dụng là UBND xã. Trong quá trình quản lý đất đai, một số cán bộ xã K đã vi phạm pháp luật và bị xử lý theo quy định của pháp luật, trong đó có hoạt động cho phép bà Trần Lê O sử dụng 200 m<sup>2</sup> đất làm nhà ở ngày 15/12/1991. Tại Bản án hình sự số 757 ngày 29/9/1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên: *“Thu hồi toàn bộ số đất tại khu vực H, S và 2.500 m<sup>2</sup> đất (danh nghĩa cấp cho E26 Phòng không) các bị cáo đã mua đi bán lại bất hợp pháp. Giao cho chính quyền địa phương quản lý và giải quyết theo thẩm quyền”*.

Căn cứ Giấy cho phép sử dụng đất làm nhà ở số 62 ngày 15/12/1991 của UBND xã K cho bà Trần Lê O và Hợp đồng chuyển nhượng ngày 09/10/2006 của bà Trần Lê O cho anh Trần Hồng P, UBND phường K đã có Xác nhận số 26-1/UBND-ĐC ngày 18/6/2014 về 128,1m<sup>2</sup> đất do anh Trần Hồng P sử dụng, theo đó anh Trần Hồng P sử dụng 123,88 m<sup>2</sup> đất nằm trong tổng số 200 m<sup>2</sup> theo Giấy cho phép sử dụng đất làm nhà ở số 62 ngày 15/12/1991 của UBND xã K cấp cho bà Trần Lê O, còn 4,22 m<sup>2</sup> tự sử dụng thêm. Diện tích 128,1 m<sup>2</sup> là đất đầm do UBND xã K quản lý.

Căn cứ nội dung xác nhận như đã nêu trên, Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố Hà Nội đã có Văn bản số 283/TTr-BCĐ ngày 15/4/2013 đề xuất của liên ngành, được UBND thành phố chấp nhận tại Văn bản số 3331/UBND-TNMT ngày 13/5/2013 như sau: *“Đối với những hộ gia đình được UBND xã bán, có giấy phép làm nhà ở năm 1992, hộ gia đình chưa làm nhà, nay được UBND phường xác nhận sử dụng ổn định, không tranh chấp. Đề nghị được hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp quy định tại bản giá đất hàng năm do UBND thành phố quy định và được hỗ trợ 30% giá đất ở đối với phần diện tích 100 m<sup>2</sup>. Phần diện tích trên 100 m<sup>2</sup> (nếu có) hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp quy định tại Bảng giá đất hàng năm do UBND thành phố quy định”*. Trên cơ sở đó, UBND quận T đã phê duyệt Phương án hỗ trợ khi thu hồi 128,1 m<sup>2</sup> đất đối với anh Trần Hồng P tại Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 30/6/2014.

Sau đó, UBND thành phố Hà Nội có Văn bản số 3626/UBND ngày 28/5/2015 về việc bổ sung chính sách hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án cải tạo hồ T I. Theo đó, đồng ý cho UBND quận T phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và công trình kiến trúc trên đất theo Văn bản số 366/TTr-BCĐ ngày 22/5/2015 của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố Hà Nội. Theo chủ trương là *“Trường hợp hộ gia đình được UBND xã K cho phép sử dụng đất làm nhà ở hoặc biên bản xử lý đất hoặc biên bản bàn giao đất (nhượng bán) trái thẩm quyền năm 1992, các hộ đã nộp tiền để được sử dụng đất, số tiền này đã được nộp vào ngân sách xã, nay các hộ đang sử dụng đất thì được hỗ trợ không quá 100% theo giá đất ở được UBND thành phố phê duyệt cho Dự án và khấu trừ nghĩa vụ tài chính theo quy định”*. Trên cơ sở đó, UBND quận T đã ra Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với anh Trần Hồng P.

Tại Văn bản số 642/UBND ngày 24/9/2015 của UBND phường K và Biên bản ngày 17/9/2015 họp liên ngành về việc điều chỉnh vị trí đất, xác định vị trí 3 ngõ 93 đường H đối với thửa đất có chiều rộng ngõ nhỏ từ 2 đến dưới 3,5 m. Từ đó UBND quận T đã ban hành Quyết định số 4500/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 phê duyệt Phương án điều chỉnh, bổ sung do thay đổi vị trí đất đối với anh Trần Hồng P.

Ngày 05/10/2015, anh Trần Hồng P đã nhận tiền hỗ trợ tại các phương án đã được UBND quận T phê duyệt như đã nêu trên.

Anh Trần Hồng P khiếu nại đối với Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND quận T. Chủ tịch UBND quận T đã xem xét nội dung và tại Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 đã giải quyết không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên nội dung đã phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ về đất đối với anh Trần Hồng P.

Đại diện của Chủ tịch & UBND quận T đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hồng P.

\* Tại Văn bản số 1171/UBND-ĐT ngày 16/3/2017, ông Nguyễn Quốc H, chức vụ - Phó chủ tịch UBND thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội khẳng định việc giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung không chấp nhận khiếu nại của anh Trần Hồng P, đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận T là đúng pháp luật. Bởi vì diện tích 128,1 m<sup>2</sup> đất anh Trần Hồng P sử dụng tại tổ C, phường K, quận T, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là đất công (đất đầm do UBND xã K (nay là UBND phường K) quản lý. Trong tổng số 128,1 m<sup>2</sup> nói trên có 123,88 m<sup>2</sup> đất nguồn gốc từ việc năm 1991 UBND xã K cho phép bà Trần Lê O sử dụng 200 m<sup>2</sup> đất làm nhà ở. Năm 2006, bà Trần Lê O chuyển nhượng cho anh Trần Hồng P. Phần diện tích còn lại là 4,22 m<sup>2</sup> đất do anh Trần Hồng P tự sử dụng đất công (đất đầm) do UBND phường quản lý.

Tại Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2004 thể hiện nguồn gốc đất anh Trần Hồng P sử dụng vẫn là đất đầm. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2006 và 2009 thể hiện diện tích đất anh Trần Hồng P sử dụng có nhà. Tại thời điểm kê khai kiểm đếm phục vụ công tác giải phóng mặt bằng tháng 10/2013 thể hiện trên đất có nhà và các công trình phục vụ để ở, được UBND phường K xác nhận anh Trần Hồng P làm nhà ở sau ngày 01/7/2004 và trước ngày 22/4/2009.

Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội thống nhất nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận T đối với anh Trần Hồng P tại Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 vì việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ về đất và công trình xây dựng trên đất là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn được Văn bản số 3331/UBND-TNMT ngày 13/5/2013 và Văn bản số 3626/UBND-TNMT ngày 28/5/2013 của UBND thành phố Hà Nội hướng dẫn, giải quyết khó khăn khi thực hiện dự án.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án xử bác đơn khởi kiện của anh Trần Hồng P.

\* UBND phường K trình bày nội dung thống nhất với quan điểm của UBND quận T về xác định loại đất công (đất đầm) do UBND phường quản lý; thống nhất về nguồn gốc cũng như hiện trạng sử dụng đất, thời điểm phát sinh tài sản của anh Trần Hồng P trên đất và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

\* Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại cũng như tại phiên tòa, các đương sự không tranh chấp về tài liệu, chứng cứ các bên đã giao nộp cho Tòa án; không yêu cầu, đề nghị Tòa án xác

minh, thu thập bổ sung chứng cứ; không tranh chấp pháp lý về thẩm quyền cũng như trình tự, thủ tục mà UBND quận T phê duyệt Phương án và phê duyệt điều chỉnh Phương án hỗ trợ đối với anh Trần Hồng P cũng như thẩm quyền và trình tự giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận T cũng như của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội. Các đương sự cũng thống nhất với chủ trương, mục đích thu hồi đất cũng như loại dự án; thống nhất về số lượng và loại tài sản đã kiểm đếm có liên quan đến giải phóng mặt bằng. Nội dung mâu thuẫn của đương sự là xác định loại đất, vị trí đất để thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất của anh Trần Hồng P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 170/2019/HC-ST ngày 05/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 98 Luật Tổ chức HĐND-UBND, Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18, Điều 21, Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; khoản 6 Điều 22, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 30, Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ; Điều 30 đến Điều 34 và Điều 36 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND thành phố Hà Nội; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

I. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hồng P đề nghị hủy:

1. Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND quận T phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

2. Quyết định số 4500/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND quận T về việc điều chỉnh, bổ sung phương án thay đổi vị trí đất đối với chủ sử dụng đất bị thu hồi đất.

3. Quyết định số 5682/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND quận T về việc bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ.

4. Quyết định số 4735/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của Chủ tịch UBND quận T về giải quyết khiếu nại.

5. Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2020, đại diện của người khởi kiện là chị Phạm Thị Minh T kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện.



Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Chị Phạm Thị Minh T không đồng ý với bản án sơ thẩm vì cho rằng đất của bà O không bị Nhà nước thu hồi. Bản án hình sự sơ thẩm số 757/1995/HSST năm 1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã bị Quyết định Giám đốc thẩm số 67/2014/HS-GĐT ngày 24/11/2014 hủy nội dung thu hồi đất vì lý do vi phạm thẩm quyền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về việc giải quyết vụ án thì cho rằng: Kháng cáo của chị T hợp lệ, trong thời hạn luật định và bảo đảm về nội dung, hình thức theo các điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Xét nội dung kháng cáo của chị T thấy rằng: Về nguồn gốc thửa đất năm 1991, UBND xã K có Giấy cho phép bà Trần Lê O sử dụng 200m<sup>2</sup> đất làm nhà ở. Năm 2006, bà O chuyển nhượng 100m<sup>2</sup> đất cho anh P. Diện tích đất thực tế anh P sử dụng là 128,1m<sup>2</sup>. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 757 ngày 28, 29/9/1995 của TAND thành phố Hà Nội xác định bà O có được thửa đất do hành vi phạm tội của một số cán bộ thuộc UBND xã K đã bán đất trái pháp luật mà có. Do đó, thửa đất bà O sử dụng vẫn là đất công do UBND xã K (nay là phường K) quản lý.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2004 thể hiện nguồn gốc diện tích đất anh Trần Hồng P sử dụng ghi đất đầm. Bản đồ hiện trạng năm 2006 và năm 2009 thể hiện diện tích đất anh P sử dụng có nhà. UBND phường K có Văn bản số 26 xác nhận nguồn gốc đất anh P đang sử dụng nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng có nguồn gốc là đất công (đất đầm) do UBND xã K quản lý, trong tổng số 128,1m<sup>2</sup> đất có 123,88m<sup>2</sup> đất nằm trong số 200m<sup>2</sup> đất UBND xã cấp cho bà O, còn 4,22m<sup>2</sup> anh P tự sử dụng thêm. Thời điểm anh P chuyển đổi sang làm nhà ở sau ngày 01/7/2004 trước ngày 22/4/2009. Xét thấy, Giấy cho phép sử dụng đất làm nhà ở số 62 ngày 15/12/1991 của UBND xã K anh P cung cấp không phải là giấy tờ được quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP. Quyền sử dụng đất của bà O chưa được Nhà nước công nhận. Ngày 09/10/2006, bà O lập giấy chuyển nhượng thửa đất 100m<sup>2</sup> cho anh P nhưng đây là hợp đồng viết tay không có công chứng, chứng thực. Căn cứ Điều 14 Luật Đất đai năm 2003, Điều 11 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì diện tích đất này được xác định là đất công do Nhà nước quản lý. Căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Điều 6 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì anh P không đủ điều kiện được bồi thường về đất mà chỉ

được hỗ trợ về đất.

Ngày 30/6/2014, UBND quận T đã có Quyết định số 3341 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với anh P. Sau đó, UBND quận vận dụng chính sách tại Văn bản số 3331 ngày 13/5/2013 và Văn bản số 3626 ngày 28/5/2015 của UBND thành phố Hà Nội, thực hiện điều chỉnh phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với anh P lần lượt tại các Quyết định số 2854, Quyết định 4500, Quyết định 5682. Theo đó, hỗ trợ về đất đối với diện tích 123,88m<sup>2</sup> với mức hỗ trợ 100% giá đất ở và hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp đối với diện tích 4,22m<sup>2</sup> là đúng quy định. Anh P yêu cầu bồi thường về đất đối với toàn bộ diện tích 123,88m<sup>2</sup> theo giá đất ở là không có cơ sở.

Về vị trí đất: Tại Biên bản họp xác định vị trí đất ngày 17/9/2015 của UBND phường K xác định kết quả kiểm tra xác suất 03 lần để xác định mặt cắt nhỏ nhất của ngõ 93 H cho thấy đều mặt cắt ngang nhỏ hơn 3,5m tại các điểm gần số nhà 56 và số nhà 52. UBND phường điều chỉnh vị trí đất của anh P sang vị trí 3 phố H thay cho vị trí 3 phố T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quy định kèm theo Quyết định số 63/2013/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

Về việc bồi thường công trình kiến trúc trên đất: Việc anh P xây dựng công trình trên đất công là không hợp pháp. Tuy nhiên, tại Văn bản số 3331 ngày 13/5/2013, UBND thành phố Hà Nội chấp thuận tờ trình của UBND quận T để hỗ trợ bằng 50% đơn giá xây dựng mới là đảm bảo quyền lợi của anh P. Anh P yêu cầu được bồi thường 100% giá trị tài sản là nhà và công trình xây dựng trên đất là không có cơ sở chấp nhận.

Về chính sách tái định cư: Theo xác nhận của Công an phường K, hiện anh P đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ H, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội. Thời điểm thực hiện dự án, anh P không sinh sống tại địa chỉ có đất bị thu hồi. Do đó, UBND quận T không bố trí tái định cư cho anh P là có căn cứ.

Trên cơ sở nguồn gốc và chính sách bồi thường, hỗ trợ của địa phương, UBND quận T đã ban hành các quyết định phê duyệt hỗ trợ, quyết định điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của anh P đúng pháp luật. Chủ tịch UBND quận T và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ra các quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận khiếu nại của anh P là có cơ sở, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hồng P là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền, giữ nguyên quyết định của Bản

án hành chính sơ thẩm số 170/2019/HC-ST ngày 05/9/2019 của TAND thành phố Hà Nội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về tố tụng:**

Về đối tượng, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Quyết định hành chính bị kiện gồm Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 14/7/2015, Quyết định số 4500/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 và Quyết định số 5682/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND quận T về hỗ trợ khi thu hồi đất là quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Luật Đất đai và khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Để thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất khi thực hiện Dự án cải tạo hồ T I đối với anh Trần Hồng P, UBND quận T còn ban hành Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 phê duyệt phương án hỗ trợ nên cũng đồng thời được xem xét trong vụ án. Quyết định số 4735/QĐ-CTUBND ngày 12/10/2015 Chủ tịch UBND quận T và Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về giải quyết khiếu nại đối với các quyết định nêu trên cũng là đối tượng xem xét trong cùng vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 10/8/2016, anh Trần Hồng P nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính là đúng thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính tiến hành xét xử phúc thẩm là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

#### **- Về nội dung:**

Các đương sự trong vụ án thống nhất về thẩm quyền và trình tự, thủ tục mà UBND quận T ban hành các Quyết định phê duyệt và Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khi thu hồi đất đối với anh Trần Hồng P.

Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận việc anh Trần Hồng P nhận chuyển nhượng đất từ bà Trần Lê O. Trong khi đó, việc sử dụng đất của bà Trần Lê O không đảm bảo căn cứ xác lập quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật mà do hành vi phạm tội của bị cáo là một số cán bộ của UBND xã K đã bán đất trái pháp luật mà có. Việc bà Trần Lê O sử dụng đất có nguồn gốc từ hành vi phạm tội, đã có quyết định tịch thu nhưng lại chuyển nhượng một phần đất cho anh Trần Hồng P là không đúng pháp luật. Quyết định Giám đốc thẩm số 67/2014/HS-GĐT ngày 24/11/2014 đã hủy nội dung thu hồi đất trong Bản án hình sự sơ thẩm số 757 ngày 29/9/1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là vì lý do vi phạm thẩm quyền thu hồi đất, nhưng đây không là căn cứ xác lập hoặc khôi phục quyền sử dụng đất hợp pháp đối với anh Trần Hồng P. Do đó, diện tích đất anh Trần Hồng P nhận chuyển nhượng từ bà Trần Lê O để sử dụng vẫn là đất thuộc quản lý, sử dụng của UBND xã K trước đây và nay là UBND phường K.

Theo quy định của pháp luật thì tại thời điểm năm 2006, anh Trần Hồng P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Trần Lê O là không hợp pháp, quyền sử dụng đất chưa được Nhà nước chứng nhận, hợp đồng không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Quyền và nghĩa vụ dân sự phát sinh từ hợp đồng giữa anh Trần Hồng P và bà Trần Lê O không thuộc phạm vi giải quyết vụ án hành chính này. Do đó, là cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai khi thực hiện dự án là UBND quận T xác định người đang quản lý, sử dụng đất để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là anh Trần Hồng P là có cơ sở. Anh Trần Hồng P cho rằng sử dụng đất có nguồn gốc, có giấy tờ và đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thấy rằng: Giấy cho phép sử dụng đất làm nhà ở số 62 ngày 15/12/1991 của UBND xã K không hợp pháp, không là giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 3 Điều 8 Nghị định 197/2004/CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Theo quy định này thì giấy tờ về quyền sử dụng đất đai trước ngày 15/10/1993 phải do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, anh Trần Hồng P yêu cầu được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 là không cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 cũng như Điều 6 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì anh Trần Hồng P không đủ điều kiện được bồi thường về đất. Không cơ sở xác định chủ sử dụng đất hợp pháp và mục đích sử dụng đất ở như quan điểm của anh Trần Hồng P viện dẫn khoản 3 Điều 8 Nghị định 197/2004/CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

UBND quận T xác định 128,1 m<sup>2</sup> đất anh Trần Hồng P sử dụng tại địa chỉ tổ C, phường K, quận T, thành phố Hà Nội là đất công do UBND phường K quản lý là có căn cứ (theo quy định tại Điều 14 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 về xác định loại đất). Mặc dù, nguồn gốc sử dụng đất của anh Trần Hồng P không hợp pháp nhưng thực tế anh Trần Hồng P có nhận chuyển nhượng từ bà Trần Lê O và UBND xã đã thu tiền đền bù hoa màu trên diện tích đất này. Do đó, UBND quận T phê duyệt hỗ trợ về đất cho anh Trần Hồng P đối với 123,88 m<sup>2</sup> với mức hỗ trợ 100% giá đất ở, phải khấu trừ nghĩa vụ tài chính là phù hợp quy định của pháp luật và thực tế sử dụng đất. Ngày 30/6/2014, UBND quận T đã có Quyết định số 3341 phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với anh P. Sau đó, UBND quận vận dụng chính sách tại Văn bản số 3331 ngày 13/5/2013 và Văn bản số 3626 ngày 28/5/2015 của UBND thành phố Hà Nội, thực hiện điều chỉnh phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với anh P lần lượt tại các Quyết định số 2854, Quyết định 4500, Quyết định 5682. Theo đó, hỗ trợ về đất đối với diện tích 123,88m<sup>2</sup> với mức hỗ trợ 100% giá đất ở và hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp đối với diện tích 4,22m<sup>2</sup> là đúng quy định. Anh P yêu cầu bồi thường về đất đối với toàn bộ diện tích 123,88m<sup>2</sup> theo giá đất ở là không có cơ sở. Anh Trần Hồng P và chị Phạm Thị Minh T cho rằng đã nhận chuyển nhượng toàn bộ 128,1 m<sup>2</sup> nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Trên cơ sở Biên bản họp ngày 17/9/2015 với Sở tài nguyên & Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Biên bản cùng ngày 17/9/2015 của UBND phường K xác minh khoảng cách tại vị trí đất của anh Trần Hồng P đến phố T và phố H. Theo kiểm tra xác suất 03 lần để xác định mặt cắt nhỏ nhất của ngõ 93 H cho thấy đều mặt cắt ngang nhỏ hơn 3,5 m tại các điểm gần số nhà 56 và gần số nhà 52. Kết quả kiểm tra ngày 17/9/2015 phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, theo đó thực tế ngõ C phố H có nhiều điểm mặt cắt ngang nhỏ hơn 3,5 m. Đó là vị trí trước các nhà số M, nhà số N và nhà số O. UBND phường K đã điều chỉnh vị trí đất của anh Trần Hồng P sang vị trí 3 phố H thay cho vị trí 3 phố T là phù hợp. Do đó, UBND quận T áp dụng khoản 2 Điều 2 Bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số 63/2013/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội để xác định đất thu hồi của anh Trần Hồng P ở vị trí 3 ngõ C phố H là đúng. Anh Trần Hồng P cho rằng diện tích đất của mình giáp ngõ đi có chiều rộng 6m để coi là vị trí 2 đường H là không cơ sở. Tài sản do anh Trần Hồng P xây dựng trên 128,1m<sup>2</sup> đất bị thu hồi có nhà cùng các công trình phụ trợ được kiểm đếm và UBND quận T phê duyệt tại Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 14/7/2015, Quyết định số 4500/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 và Quyết định số 5682/QĐ-UBND ngày 11/12/2015. Thời điểm anh Trần Hồng P sử dụng đất tính từ ngày

nhận chuyển nhượng từ bà Trần Lê O, tức năm 2006 nên UBND quận T xác định phát sinh sau 15/10/1993 đến trước ngày có quyết định thu hồi đất (22/4/2009). Bản chất việc xây dựng nhà trên đất công (đầm) là không hợp pháp. Tuy nhiên, tại Văn bản số 3331/UBND-TNMT ngày 13/5/2013 của UBND thành phố Hà Nội đã chấp thuận tờ trình của UBND quận T để phê duyệt hỗ trợ bằng 50% đơn giá xây dựng mới là đảm bảo quyền lợi của anh Trần Hồng P, đúng quy định.

Theo xác nhận ngày 17/4/2014 của Công an phường K thì anh Trần Hồng P đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ H, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội. Thời điểm thực hiện giải phóng mặt bằng dự án thoát nước cải thiện môi trường Hà Nội - Dự án II thì anh Trần Hồng P không sinh sống tại diện tích 128,1 m<sup>2</sup> đất bị thu hồi. Do đó, UBND quận T không bố trí tái định cư đối với anh Trần Hồng P là phù hợp với mục 6 Văn bản số 3331/UBND-TNMT ngày 13/5/2013 của UBND thành phố Hà Nội. Không cơ sở chấp nhận yêu cầu tái định cư của anh Trần Hồng P.

Từ các nhận định trên thấy rằng, trên cơ sở xác định nguồn gốc sử dụng đất, loại đất và tính đặc thù sử dụng đất của anh Trần Hồng P thì UBND quận T đã ban hành các quyết định phê duyệt hỗ trợ rồi phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản trên đất đối với anh Trần Hồng P là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm là phù hợp.

Đại diện theo ủy quyền của anh Trần Hồng P kháng cáo không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, anh Trần Hồng P phải chịu án phí phúc thẩm hành chính.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của đại diện của người khởi kiện anh Trần Hồng P là chị Phạm Thị Minh T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 170/2019/HC-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Hồng P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận anh Trần Hồng P đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai tạm ứng án phí Tòa án số 0020356 ngày 07/9/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Điền Văn Hằng**